

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Khắc Chương.

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lịch – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2022 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Quỳnh L sinh năm 1994; trú tại: Số 37, thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1989; trú tại: Số 90, thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh L:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà với ông Nguyễn Văn Đ kết hôn năm 2015, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống xã H, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn vì sống chung với bố mẹ chồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Còn ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc, bỏ

bê không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã cố gắng hoà giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà đã sống ly thân với ông Đ từ năm 2019 đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

- *Về con chung*: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Bảo K sinh ngày 12/6/2016 và Nguyễn Trần Minh B sinh ngày 11/12/2018. Hiện nay cháu K đang ở với bà, cháu B đang ở với ông Đ. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Bà L yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi có quyết định của Toà án cho đến ngày các con chung thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: Ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do ông Đ vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, xử cho bà L với ông Đ ly hôn; giao 02 con chung cho bà L nuôi dưỡng đến ngày các con chung thành niên; Buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng; Nợ chung không có; tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà L với bị đơn ông Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L với ông Đ kết hôn năm 2015, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L, nguyên nhân mâu thuẫn do sống chung với bố mẹ chồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Còn ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc, bỏ bê không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã cố gắng hoà giải, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Bà đã sống ly thân với ông Đ từ năm 2019 đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L với ông Đ đã trầm trọng, kéo dài, bà L với ông Đ đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Ông Đ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hòa giải và hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà L, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông Đ.

- *Về con chung:* Bà L với ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Trần Bảo K sinh ngày 12/6/2016 và Nguyễn Trần Minh B sinh ngày 11/12/2018. Hiện nay cháu K đang ở với bà L, cháu B đang ở với ông Đ. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên. Xét thấy, ông Đ không có ý kiến gì về con chung, bà L có yêu cầu nuôi các con chung, các cháu còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần nên giao các con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Bà L yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày các con chung thành niên. Xét thấy, bà L là người trực tiếp nuôi các con chung nên yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày các con chung thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L với ông Đ không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà L với ông Đ không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn. Ông Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Quỳnh L, xử cho bà Trần Thị Quỳnh L với ông Nguyễn Văn Đ ly hôn.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Trần Bảo K sinh ngày 12/6/2016 và Nguyễn Trần Minh B sinh ngày 11/12/2018 cho bà Trần Thị Quỳnh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi các con chung tên Nguyễn Trần Bảo K sinh ngày 12/6/2016 và Nguyễn Trần Minh B sinh ngày 11/12/2018 mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng), cấp dưỡng

hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày các con chung thành niên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Quỳnh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, bà L đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007606 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm
Đồng (số 105/2015 ngày
07/12/2015);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phụng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Triệu Thị Hằng – Trương Văn Điều

Lê Thị Phụng Diễm

